

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2020

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Thu Hà
2. Ông Nguyễn Văn Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TL.ST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Thị Thùy T

Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã An Quăng H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.  
(vắng mặt)

2. Bị đơn: Lê Công N

Địa chỉ: Ấp Trường Phước C, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Lê Công N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018, có sự chứng kiến của cha, mẹ các bên đến ngày 16/01/2018 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không còn hợp nhau. Nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về tài sản chung, nợ chung và con chung: Không có

Quá trình tố tụng bị đơn anh Lê Công N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh N có nhiều bất đồng không thể hàn gắn được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N. Về tài sản chung, nợ chung và con chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị Thùy T và anh Lê Công N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N, do

anh N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có ý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thùy T và anh Lê Công N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn không thể sống chung với nhau. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật mời anh N đến Tòa án để tiến hành hòa giải gia đình nhưng anh N không có mặt theo thông báo của Tòa. Các văn bản tố tụng thể hiện chị T kiên quyết ly hôn với anh N. Điều này chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị T phải chịu là 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Công N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị Thùy T đã nộp theo biên lai số 0002146 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị T đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Thùy T và anh Lê Công N được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Đua**